**Phân tích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ - Mẫu 4**

Đặng Trần Côn (chưa rõ năm sinh, năm mất) người làng Nhân Mục, tên nôm là làng Mộc, huyện Thanh Trì, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. về sáng tác, ngoài tác phẩm chính là Chinh phụ ngâm, ông còn làm thơ chữ Hán và viết một số bài phú chữ Hán. Theo các tài liệu lịch sử, đầu đời Lê Hiển Tông, có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh kinh thành Thăng Long. Triều đình cất quân đánh dẹp, nhiều trai tráng phải từ giã người thân ra trận. Đặng Trần Côn cảm động trước nỗi khố đau mất mát của con người, nhất là những người vợ lính trong chiến tranh, đã viết Chinh phụ ngâm. Khúc ngâm này gồm 476 câu thơ làm theo thể trường đoản cú (câu thơ dài ngắn không đều nhau).

Tác phẩm đã được dịch ra chữ Nôm, và chưa biết ai là tác giả bản dịch hiện hành. Có người cho rằng đó là bản dịch của Đoàn Thị Điểm. Lại có người cho rằng Phan Huy Ích chính là dịch giả của Chinh phụ ngâm. Đoạn trích dưới đây thuộc bản dịch hiện hành, viết về tình cảm và tâm trạng người chinh phụ phải sống cô đơn, mòn mỏi trong thời gian dài người chồng đi đánh trận, không có tin tức, không rõ ngày trở về. Kể từ lúc tiễn chồng vào “cõi xa mưa gió” người chinh phụ trở về sống trong tình cảm đơn chiếc, lẻ loi. Ngày cũng như đêm, sau khi công việc đã yên mọi bề, người chinh phụ

*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,*
*Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.*
*Ngoài rèm thước chẳng mách tin,*
*Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?*

Bốn câu thơ song thất lục bát với vần điệu chặt chẽ, thăng trầm như những nốt nhạc buồn càng làm đậm thêm tình cảnh đơn chiếc, lẻ loi kia. Người trước có lúc sóng đôi vợ chồng thì nay “thầm gieo từng bước" dưới mái hiên vắng vẻ. Ngày nào bàn chuyện làm ăn cùng chồng bên cửa sổ thì nay buông xuống kéo lên nhiều lần mong ngóng nhưng chẳng thấy chim thước báo tin lành. Ngày thì như thế, còn đêm thì không ngủ được, một mình đối diện với ngọn đèn khuya. Tình cảnh của người chinh phụ quá lẻ loi, đơn chiếc. Ngày thì khắc khoải chờ mong. Đêm dài câm lặng, biết riêng lòng mình, Hoa đèn kia dẫu sao còn lửa. Riêng lòng này với bóng lạnh lùng.

*Khắc giờ đằng đẵng như niên,*
*Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.*

Hai câu lục bát, một câu miêu tả thời gian, một câu miêu tả nỗi buồn. Cả hai câu đều mang nghệ thuật so sánh. Trong tình cảnh lẻ loi ấy thì một giờ là đợi dài tựa một năm, như người xưa thường ví “Nhất nhật bất kiến như tam thu hề", ngày sau này Xuân Quỳnh tâm sự “Một ngày không gặp nhau / Biển bạc đầu thương nhớ”. Thời gian chờ đợi càng dài thì nỗi sầu càng lớn "tựa miền biển xa”. Tình cảnh đã bước qua tâm trạng. Đấy là tâm trạng nhớ thương của người chinh phụ gửi tới chồng ở miền xa. Nỗi nhớ thương thật tha thiết.

*Lòng này gửi gió đông có tiện?*
*Nghìn vàng xin gửi đến non Yên*
*Non Yên dù chẳng tới miền,*
*Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.*

Bốn câu thơ trên là lời tâm sự của vợ gửi đến chồng. Nhưng chim thước không có để nhờ mang thư đi. Vậy thì gửi lời nhớ thương theo gió. Nhưng gửi theo gió đông thì gió có mang lời thủ thỉ đến được tai chàng? Biết chàng đang ở nơi nào ngoài mặt trận? Thôi thì lòng thương quý chàng xin được gửi đến nơi xa nhất mà chàng tới như Đậu Hiến đời Hậu Hán đánh đuổi giặc Bắc Thiền Vu đến núi Yên Nhiên, bởi vì:

*“Nay Hán xuống Bạch Thành đóng lại,*
*Mai Hồ vào Thanh Hải dòm qua. ”*

Đời chiến binh là như thế, là “ôm yên, gối trống đã chôn, / Năm vùng cát tráng ngủ cồn rêu xanh”, chưa kể đời chiến binh mấy người đi trở lại. Tình thương, nỗi nhớ của nàng là như thế. Nhưng:

*Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,*
*Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.*
*Cảnh buồn người thiết tha lòng,*
*Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.*

Dù là “Trời” thì Trời cũng khó mà hiểu thấu tình thương và nỗi nhớ da diết của người chinh phụ. Các từ láy “thăm thẳm, đau đáu” càng làm tăng thêm sự không hiểu biết, không thấy được của Trời, và chỉ có người trong cuộc (người chinh phụ) mới cảm nhận rõ lòng mình. Cảnh thì buồn, đến cả cây cỏ và tiếng côn trùng cũng não ruột. Còn tình thì da diết thiết tha. Thể thơ song thất lục bát vốn thích hợp với tự sự, trong đoạn trích, bản dịch lại dùng phép so sánh, từ lặp và từ láy một cách tự nhiên càng làm tăng thêm giá trị nội dung.

Đọc đoạn trích người đọc cứ ngỡ ngàng rằng chỉ để miêu tả tình cảnh lẻ loi, thể hiện tâm trạng khát khao tình yêu của người chinh phụ. Nhưng nếu nghĩ sâu xa hơn thì đoạn trích bày tỏ sự oán ghét chiến tranh. Chiến tranh đã chia rẽ tình yêu, ngăn cách hạnh phúc lứa đôi của nhiều thế hệ, nhất là thế hệ trẻ, có lẽ vì thế mà tác phẩm đã được độc giả cùng thời hết sức tán thưởng. Nhiều người còn dịch Chinh phụ ngâm sang thơ Nôm (tức thơ tiếng Việt) để khúc ngâm được truyền bá rộng rãi hơn. Bản diễn Nôm hiện hành là bản dịch thành công nhất.